

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 182/2026/HNGĐ-ST
Ngày 27-7-2026
“V/v Ly hôn giữa chị D và anh L”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7- AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Duyên và bà Trần Thu Trang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mau - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7- An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7- An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 119/2026/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 218/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 192/2026/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Dương Thị D**, sinh năm 1986

Địa chỉ: Ấp B, xã T, tỉnh An Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn: **Anh Nguyễn Văn Lâm**, sinh năm 1983

Địa chỉ: Ấp B, xã T, tỉnh An Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án, chị Dương Thị D trình bày như sau:

Chị D và anh L chung sống với nhau vào năm 2003 trên cơ sở tự nguyện sau đó thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thuận Hòa, huyện An Minh,

tỉnh Kiên Giang (cũ) vào ngày 14/10/2009.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L có quan hệ ngoại tình với em dâu của chị D, chính chị D và em trai của chị D đã nhiều lần trực tiếp bắt gặp. Vì còn thương chồng nên chị D đã nhiều lần tha thứ cho chồng, tìm nhiều cách để mong anh L và em dâu chấm dứt quan hệ bất chính, mặc dù bản thân anh L cũng hứa thay đổi để vợ chồng hàn gắn nhưng sau đó anh L vẫn quay lại với người tình mặc cho sự can ngăn từ phía gia đình và cha mẹ. Sau khi không thể can ngăn được việc chồng ngoại tình thì vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng 02 năm nay và chị D nhận thấy hôn nhân không thể tiếp diễn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị D xác định vợ chồng có 02 người con chung tên Nguyễn Vĩ K, sinh ngày 15/9/2004 (đã trưởng thành và phát triển bình thường) và Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 31/8/2011. Chị D có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Thị Yến N sau khi ly hôn và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị D xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa - bị đơn anh Nguyễn Văn L đều vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu xin ly hôn của chị D.

Ý kiến trình bày của con chung: Cháu Nguyễn Thị Yến N có nguyện vọng được sống với mẹ sau khi cha, mẹ ly hôn.

Thu thập chứng cứ: Nguyên đơn cung cấp Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính); giấy căn cước (bản công chứng); giấy khai sinh của con chung vợ chồng. Bị đơn không cung cấp chứng cứ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đảm bảo đúng theo quy định. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56, Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị D ly hôn với anh L; về con chung giao con chung tên Nguyễn

Thị Yến N cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng sau khi ly hôn, chị D không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét; về tài sản chung và nợ chung vợ chồng không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn xã Tân Thạnh, tỉnh An Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - An Giang.

Quan hệ pháp luật: Chị D yêu cầu ly hôn với anh L và yêu cầu giải quyết về con chung khi ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”.

Sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Anh L được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh L.

[2] Về nội dung vụ án

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Thị D, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị D và anh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thuận Hòa, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang (Nay là xã Tân Thạnh, tỉnh An Giang) theo quy định của pháp luật, do đó hôn nhân của anh, chị là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời trình bày của chị D và kết quả xác minh từ chính quyền địa phương có cơ sở để xác định quá trình chung sống đời sống hôn nhân của chị D và anh L đã phát sinh mâu thuẫn sâu sắc do anh L có quan hệ ngoại tình với em dâu của chị D. Mặc dù được vợ tha thứ, gia đình và cha mẹ khuyên ngăn nhưng anh L vẫn không chấm dứt việc ngoại tình và không muốn quay về chung sống với vợ con, vợ chồng đã tự sống ly thân với nhau khoảng hai năm mâu thuẫn không thể hàn gắn. Từ đó có cơ sở để nhận định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật

hôn nhân và gia đình, qua thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất giải quyết cho chị D ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị D và anh L chung sống có hai người con chung trong đó cháu Nguyễn Vĩ K, sinh ngày 15/9/2004 hiện đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không xem xét đến trách nhiệm nuôi dưỡng và cấp dưỡng, đối với cháu Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 31/8/2011 sau khi cha mẹ ly thân sống với mẹ có cuộc sống ổn định phát triển bình thường và có nguyện vọng được sống với mẹ, nhận thấy chị D hiện là công nhân có thu nhập ổn định đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung do đó Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Nguyễn Thị Yến N cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng sau khi chị D và anh L ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận ý kiến của chị D không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Về tài sản chung của vợ chồng: Các đương sự không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung của vợ chồng: Chị D xác định không có, không ai có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị D là nguyên đơn chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

[4] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - An Giang tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng vào khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Dương Thị D.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Dương Thị D và anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung:

Đối với con chung tên Nguyễn Vĩ K, sinh ngày 15/9/2004 đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không xem xét trách nhiệm nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

Giao cháu Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 31/8/2011 cho chị Dương Thị Dnuôi dưỡng sau khi chị Dương Thị Dvà anh Nguyễn Văn L ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận ý kiến của chị Dương Thị D không yêu cầu anh Nguyễn Văn Lcấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết anh, chị có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Chị Dương Thị D và anh Nguyễn Văn L không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Dương Thị D xác định không có, không ai có yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Dương Thị Dcó nghĩa vụ nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 302668 ngày 10/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Chị Dương Thị D đã nộp đủ án phí.

6. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 8 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự"./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 7- An Giang;
- Phòng THADS khu vực 7- An Giang;
- UBND xã Tân Thạnh ;
- Các đương sự;
- Lưu, HS, VP.



TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Thơm